

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST

Ngày 22-11-2023

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi
con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Sinh Phương;

Ông Nguyễn Hồng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Cao Cường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện V1ện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Hoàng Đình Lưỡng - Kiểm sát V1ện.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2023/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 về V1ệc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trọng L, sinh năm: 1971. Địa chỉ: Số 717, thị trấn Bến Cầu, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; *có đơn xét xử vắng mặt.*

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị V, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Số 717, khu phố 2, thị trấn Bến Cầu, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; *vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10-4-2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Trọng L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông L và bà V trên cơ sở tìm hiểu nhau một thời gian thì tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Bến Cầu, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào cùng năm. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà V không quan tâm đến gia đình, không

quan tâm đến gia đình, chồng con. Vợ chồng gây gổ, cãi vã và ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải hàn gắn gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L yêu cầu ly hôn với bà V.

Về con chung: ông L và bà V có 02 người con chung tên Nguyễn Lê Tường V1, sinh ngày: 29/9/2002 và Nguyễn Lê Sỹ L1, sinh ngày: 05/8/2008. Khi ly hôn ông L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L1 không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Tường V1 đã thành niên tự lao động sinh sống được ông không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Ông L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông L cam kết vợ chồng không có nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn – Bà Lê Thị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do, không có lời khai. Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại khu phố 2, thị trấn Bến Cầu, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh và tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh theo quy định của pháp L.

Ý kiến của Kiểm sát V1ên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: V1ệc tuân theo pháp L tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ L Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành và chưa thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ tố tụng. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ L tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả nguyên đơn và bị đơn là đúng pháp L.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 L Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị hội đồng xét xử tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Trọng L đối với bà Lê Thị V.

Về con chung: giao con chung tên Nguyễn Lê Sỹ L1, sinh ngày: 05/8/2008 cho ông Nguyễn Trọng L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận ông L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Nguyễn Lê Tường V1, sinh ngày 29/9/2002 đã thành niên tự lao động sinh sống được ông L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: ông L không yêu cầu nên nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Trọng L phải chịu tiền án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: ông Nguyễn Trọng L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị V, bà V có địa chỉ cư trú tại: khu phố 2, thị trấn Bến Cầu, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ L Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, bà V đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ nhưng bà V vắng mặt không có lý do nên căn cứ Bộ L Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà V. Bà V phải chịu hậu quả của V1ệc không cung cấp chứng cứ và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại các Điều 6, Điều 72 và Điều 91 Bộ L Tố tụng dân sự. Ông L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ L Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông L. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ L tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về hôn nhân: ông Nguyễn Trọng L và bà Lê Thị V đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Bến Cầu, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 51 ngày 29 tháng 11 năm 2002 là hôn nhân hợp pháp, được pháp L thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống, ông L và bà V phát sinh mâu thuẫn do bà V không quan tâm chăm sóc gia đình, không chung thủy, vợ chồng gây gỗ bà V ít khi về nhà. Vợ chồng ly thân từ năm 2021 đến nay. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, thời gian ly thân đã lâu nhưng không ai có nguyện vọng, hòa giải, hàn gắn, đoàn tụ. Xét thấy, hôn nhân giữa ông L, bà V mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông L đối với bà V là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: ông L, bà V có hai con chung tên Nguyễn Lê Tường V1, sinh ngày 29/9/2002 và Nguyễn Lê Sỹ L1, sinh ngày: 05/8/2008. Khi ly hôn ông L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L1, không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu của ông L phù hợp với nguyện vọng của cháu L1 nên chấp nhận. Cháu Nguyễn Lê Tường V1 đã thành niên tự lao động sinh sống được, ông L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Ông L không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con nên cần ghi nhận.

Bà Lê Thị V được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở ông V1nh thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: ông L, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: ông Nguyễn Trọng L phải chịu án phí theo quy định của pháp L, bà Lê Thị V không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 L Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ L Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-

12-2016 của UBND tỉnh Tây Ninh quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Trọng L đối với bà Lê Thị V. Ông L được ly hôn với bà V.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lê Sỹ L1, sinh ngày: 05/8/2008 cho ông L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận ông L không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lê Thị V được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở bà V thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: ông L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: ông Nguyễn Trọng L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0023046 ngày 10-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Bà Lê Thị V không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: ông Nguyễn Trọng L và bà Lê Thị V có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 L Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 L Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 L Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND thị trấn Bến Cầu (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoài Tâm